TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04 /2019/KDTM - PT.
Ngày: 22 - 5 - 2019
"V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự cho vay, hợp đồng chuyển nhượng phần góp vốn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Sơn
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Việt Tiến
Bà Lê Thị Thu Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trang – Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ: Bà Nguyễn Thị Lan Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2018/TLPT- KDTM ngày 24 tháng 12 năm 2018 về việc *"V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự cho vay, HĐchuyển nhượng phần góp vốn"*.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 04/2018/KDTM-ST ngày 25 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2019/QĐXXPT ngày 05 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1 .Nguyên Đơn: Tập đoàn G.
Địa chỉ: Số 1A, T, phường T, quận H, TP Hà Nội.
+ Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Gia T- Tổng giám đốc.
+ Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân V- sinh năm 1952. Địa chỉ: Số 1, ngõ 148, đường M, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (Văn bản ủy quyền ngày 15/12/2017). (có mặt)

2 - Bị đơn: Công ty C.
Đại diện theo pháp luật: Ông Đào Hữu U – Chủ tịch HĐQT.
Địa chỉ: Khu 1, xã C, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

3 - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
1/ Ông Lê Văn C – sinh năm 1955 (Nguyên Tổng giám đốc Công ty C).
Địa chỉ: Khu 1, xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ.
2/ Bà Trần Thục B, sinh năm 1975
Địa chỉ: Khu 2, T, huyện L, tỉnh Phú Thọ.
(Tòa án không triệu tập)

4 - Người kháng cáo: Tập đoàn G – nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện,đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty C (trước đây là Nhà máy Ắc quy Vĩnh Phú) là doanh nghiệp nhà nước chuyên sản xuất các loại ắc quy. Từ tháng 10/2005 chuyển đổi thành Công ty C (viết tắt là Công ty) với tỷ lệ phần vốn Nhà nước nắm giữ (do Tập đoàn G đại diện) là 36,12%, tương đương 762.300 cổ phần (tổng trị giá là 7.623.000.000đ). Sau đó, Tập đoàn G (viết tắt là Tập đoàn) bán toàn bộ phần vốn góp này cho Công ty C, công ty đã trả còn số tiền bán cổ phần và còn nợ 2.496.451.412đ. Sau đó, Công ty đã trả số tiền 654.498.278đ, hiện số tiền bán phần vốn góp Công ty còn nợ Tập đoàn là 1.841.953.134đ.

Ngoài ra, ngày 14/3/2012, Tập đoàn G và Công ty C còn ký 01 hợp đồng vay vốn số 210/HĐ-HCVN, theo đó Tập đoàn G cho Công ty C vay 10 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 16%/năm (trả lãi vào cuối mỗi quý). Số tiền này đã được Tập đoàn G chuyển vào tài khoản của Công ty C và được Công ty thừa nhận đã nhận đủ số tiền trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay vốn, hai bên đã ký kết các phụ lục hợp đồng điều chỉnh lãi suất vay, cụ thể là: Ngày 22/5/2012, hai bên ký kết Phụ lục hợp đồng điều chỉnh mức lãi suất vay xuống 14%/năm (kể từ ngày 01/6/2012 đến ngày 14/3/2013). Ngày 28/6/2012, hai bên ký kết Phụ lục hợp đồng lần 2, điều chỉnh lãi suất vay xuống 11%/năm (kể từ ngày 01/7/2012 đến ngày 14/3/2013). Ngày 04/6/2013, hai bên tiếp tục ký kết Phụ lục hợp đồng lần 3, điều chỉnh lãi suất vay xuống 8%/năm (thời gian 09 tháng, kể từ ngày 14/3/2013 đến ngày 14/12/2013).

Quá trình vay vốn, Công ty C không thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng vay vốn. Tính đến ngày 30/6/2017, Công ty C còn nợ Tập đoàn G số tiền gốc là 6.600.000.000đ và tiền lãi là 2.866.577.779đ, tổng 9.466.557.779đ.

Nay Tập đoàn G đề nghị Tòa án buộc Công ty phải trả cho Tập đoàn G:

- Số tiền bán phần vốn góp là 1.841.953.134đ và lãi suất của số tiền trên từ ngày 01/7/2017 đến ngày xét xử là ngày 25/9/2018 với mức lãi suất 9,5%/1 năm căn cứ vào Quyết định số 09/2008/QĐ-BTC ngày 21/01/2008 của Bộ tài C.

- Hợp đồng vay vốn số 210/HĐ-HCVN ngày 14/3/2012 là 9.466.577.779đ và số tiền lãi tính theo phụ lục hợp đồng bản 3 là 8%/1 năm kể từ ngày 01/12/2015 đến ngày xét xử là 25/9/2018.

+ Bị đơn Công ty C trình bày:

Công ty xác nhận phần vốn góp của Tập đoàn đúng như Tập đoàn đã trình bày. Đối với việc bán cổ phần của nhà nước thì do thời gian đã lâu nên Công ty cần kiểm tra hồ sơ để làm rõ. Phía Công ty yêu cầu tập đoàn cung cấp các tài liệu có liên quan để công ty kiểm tra, đối chiếu. Tại phiên tòa, bị đơn thừa nhận số tiền bán cổ phần vốn công ty còn nợ Tập đoàn là 1.841.953.134đ và đề nghị xem xét khoản nợ vì đã nợ lâu và hiện tại công ty đang khó khăn.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền vay theo Hợp đồng vay vốn số 210/HĐ-HCVN ngày 14/3/2012: Công ty xác nhận tại sổ sách của

công ty có thể hiện khoản vay vốn trên và tổng số tiền đã thanh toán, số tiền Công ty còn nợ lại Tập đoàn đúng như nguyên đơn đã trình bày.

Tuy nhiên, tại thời điểm ký hợp đồng vay vốn thì Tập đoàn đang giữ 36,12% vốn điều lệ của Công ty nên Tập đoàn là cổ đông lớn, nắm giữ phần vốn góp nhà nước tại Doanh nghiệp. Theo quy định tại Điều 53 Điều lệ của công ty, Điều 120 Luật Doanh nghiệp 2005 thì việc cổ đông của công ty sở hữu trên 30% cổ phần thì giao dịch, ký hợp đồng với công ty phải được sự nhất trí của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị. Tuy nhiên, các hồ sơ đang lưu trữ tại công ty thời điểm đó (Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 97/2011/NQ-ĐHĐCĐ/VIBACO ngày 14/5/2011; Nghị quyết của HĐQT số 47/NQ-HĐQT ngày 17/02/2012; Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 122/2012/NQ-ĐHĐCĐ/VIBACO ngày 28/4/2012) đều không thể hiện nội dung vay vốn của Công ty với Tập đoàn. Do đó, hợp đồng vay vốn số 201/HĐ-HCVN ngày 14/3/2012 là vô hiệu do vi phạm các quy định của pháp luật, không được Đại hội đồng cổ đông hay Hội đồng quản trị của công ty thông qua. Vì vậy, đây là hợp đồng vay vốn sai quy định, thuộc trách nhiệm của các lãnh đạo và các cá nhân ký kết hợp đồng vay vốn nên Công ty chỉ có trách nhiệm trả số tiền vay còn thiếu, không có trách nhiệm trả số lãi vay theo thỏa thuận của các bên theo Hợp đồng vay vốn. Công ty đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng vay vốn vô hiệu và giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu theo quy định của pháp luật.

+ Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DSST ngày 28/9/2018 của TAND thành phố Việt Trì đã áp dụng: Điều 120 của Luật doanh nghiệp; Điều 127,128, 137, 256, 410, 471 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 147, Điều 271, khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1, 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tập đoàn G với bị đơn là Công ty C.

- Buộc Công ty C phải thanh toán cho Tập đoàn G số tiền nợ bán vốn nhà nước là 1.841.953.134đ và tiền lãi tính từ ngày 01/7/2017 đến ngày 25/9/2018, là: 215.815.506đ.Tổng cộng là: 2.057.768.640đ.

- Tuyên bố Hợp đồng vay vốn số 210/HĐ-HCVN ngày 14/3/2012 được ký kết giữa Tập đoàn G và Công ty C là vô hiệu.

Buộc Công ty C phải thanh toán cho Tập đoàn G số tiền gốc còn lại theo hợp đồng vay vốn số 210 là 4.753.622.221đ. Tổng cộng Công ty C phải trả cho Tập đoàn G: 6.811.390.861đ. Ngoài ra bản án còn tuyên lãi suất trả chậm, tính án phí, tuyên quyền kháng cáo theo luật định.

+ Ngày 05/10/2018 người đại diện được ủy quyền Tập đoàn hóa chất có đơn kháng cáo với nội dung cấp sơ thẩm tuyên hợp đồng vô hiệu phần cho vay 10 tỷ đồng là không đúng.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng; việc chấp hành pháp luật của những ng- ời tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tr- ớc thời điểm Hội đồng xét xử

nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Quan điểm về nội dung vụ án là không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về nội dung đơn kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét án sơ thẩm tuyên hợp đồng vô hiệu phần cho vay 10 tỷ đồng là không đúng. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Hợp đồng vay được ký kết giữa hai bên từ năm 2012, cả hai bên đều thừa nhận có khoản vay này, Công ty C đã sử dụng khoản tiền này để phục phụ hoạt động sản xuất kinh doanh, qua hợp đồng, đã hoạch toán trong quá trình sản xuất, qua đối chiếu hai bên, vẫn trả nợ dần được 3,4 tỷ tiền gốc, vẫn tính tiền lãi đến ngày 30/6/2017 còn nợ 6,6 tỷ tiền gốc và 2,866 tỷ tiền lãi, cộng là 9,466 tỷ (BL 04- 14, 57,58,59,86, 87, 105-107).

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, đại diện tập đoàn hóa chất yêu cầu Công ty ắc quy Vĩnh Phú xuất trình biên bản phiên họp bất thường ngày 25/11/2011 của Hội đồng quản trị của công ty ắc quy (theo báo cáo của ông Lê Văn C – nguyên Tổng giám đốc Công ty C), nhưng công ty không xuất trình được, cho dù việc vay tiền không thông qua hội đồng quản trị, nhưng thông qua hợp đồng, thông qua báo cáo hàng năm, thông qua kiểm toán, thông qua báo cáo thuế hàng năm… buộc Hội đồng quản trị phải biết có việc Công ty vay 10 tỷ, nhưng trong suốt thời gian từ năm 2012 đến nay chưa có bất kỳ một ý kiến, một phản đối nào đối với việc nhận tiền vay của Tập đoàn hóa chất. Tại phiên tòa hôm nay, ông Uyên vẫn xác định công ty ắc quy vẫn trả lãi trong các năm 2012, 2013…Tại khoản 1 Điều 146 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định "giao dịch do người đại diện thực hiện vượt quá phạm vi đại diện thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ….*trừ trường hợp người được đại diện đồng ý hoặc biết mà không phản đối*". Hội đồng quản trị buộc phải biết, đều biết mà không phản đối do đó hợp đồng vẫn có hiệu lực.

Với nhận định nêu trên cần xác định hợp đồng cho vay không vô hiệu như cấp sơ thẩm đã tuyên, do đó cần tính toán, xem xét khoản tiền gốc đã trả, khoản tiền lãi đã trả, công ty Ắc quy còn nợ bao nhiêu, cụ thể:

Căn cứ vào bảng xác nhận số dư cho báo cáo tài C 6 tháng đầu năm 2017 (BL 05) có xác nhận của ông Đào Hữu Uyên, tính đến ngày 30/6/2017 thì Công ty C đã trả được 3.400.000.000đ, còn nợ 6.600.000.000đ tiền gốc. Đã trả tiền lãi được 1.743.377.779đ, còn nợ 2.866.577.779đ tiền lãi. Lãi suất 8%/năm.

Nay cần tính khoản tiền lãi của số tiền gốc chưa trả: từ ngày 01/7/2017 đến khi xét xử phúc thẩm ngày 23/5/2019 (nguyên đơn chỉ tính 23 tháng)

6.600.000.000đ x 8%/12 tháng x 23 tháng = 1.012.000.000đ.

Như vậy hai khoản tiền lãi chưa trả được là: 2.866.577.779đ + 1.012.000.000đ = 3.878.755.779 đ.

Do đó 6.600.000.000đ tiền gốc + 3.878.755.779 đ tiền lãi = **10.478.755.779đ.**

Với các phân tích, nhận định nêu trên thì cần buộc Công ty C phải trả cho Tập đoàn G là **10.478.755.779đ.**

+ Đối với khoản tiền Công ty C nợ Tập đoàn G bán vốn nhà nước là 1.841.953.134đ và tiền lãi tính từ ngày 01/7/2017 đến ngày 25/9/2018 là 215.815.506đ. Tổng cộng là: 2.057.768.640đ, khoản tiền này không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[3] Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, ông Uyên cũng xuất trình được bản pho tô viết bút mực phiên họp của Hội đồng quản trị ngày 25/11/2011, trong biên bản này không có nội dung vay tiền 10 tỷ. Ngày 26/11/2011, có phiên họp bất thường của Hội đồng quản trị Công ty C nhưng trong cuộc họp này cũng không nêu ra việc vay vốn 10 tỷ. Như vậy không có tài liệu nào xác định có việc vay 10 tỷ đã thông qua Hội đồng quản trị.

[4] Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng với các phân tích và nhận định đã nêu trên thì dù Hội đồng quản trị không họp nhưng buộc phải biết công ty đã xử dụng tiền vay 10 tỷ trong nhiều năm mà không phản đối và vẫn chấp nhận vay vốn để sản xuất kinh doanh, nên hợp đồng vay vốn này có hiệu lực pháp luật và vẫn đang được thực hiện, do đó đề nghị hợp đồng vay vốn này vô hiệu là chưa phù hợp với pháp luật.

[5] Về án phí:

- Do phải sửa án sơ thẩm nên án phí sơ thẩm cũng phải được sửa lại toàn bộ cho phù hợp, theo giá ngạch của số tiền phải thanh toán.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Tập đoàn G kháng cáo đ- ợc chấp nhận thì không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

1 - Căn cứ vào Điều 120 luật Doanh nghiệp năm 2005; khoản 1 Điều 146; Điều 471, 473, khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;. Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2 - Chấp nhận kháng cáo của Tập đoàn G, sửa một phần bản án sơ thẩm.

3 - Tuyên bố Hợp đồng vay vốn số 210/HĐ-HCVN ngày 14/3/2012 được ký kết giữa Tập đoàn G và Công ty C có hiệu lực thi hành.

4 - Buộc Công ty C phải thanh toán cho Tập đoàn G số tiền gốc còn lại theo hợp đồng vay vốn số 210 (đã nêu trên) là 6.600.000.000đ. Tiền lãi là 3.878.755.779đ. Tổng phải thanh toán là **10.478.755.779đ** *(Mười tỷ bốn trăm bảy mươi tám triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn bảy trăm bảy mươi chín đồng).*

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7,7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5 - Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty C phải chịu 118.478.000đồng (tính số chẵn).

- Tập đoàn G không phải chịu 114.846.091 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm .

+ Án phí phúc thẩm: Trả lại cho Tập đoàn G 61.650.000.000đồng. Xác nhận Tập đoàn G đã nộp 2.000.000đ tại Chi cục THADS thành phố Việt Trì theo phiếu thu số AA/2018/0000305 ngày 08/10/2018 và 59.650.000đ tại Chi cục THADS thành phố Việt Trì theo phiếu thu số AA/2016/0003172 ngày 19/01/2018.

+ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

+ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Việt Tiến **Lê Thị Thu Huyền** **Nguyễn Trường Sơn**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- TAND thành phố Việt Trì.
- THADS thành phố Việt Trì.
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ + VP;
- Lưu: án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Trường Sơn